

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH T**

Bản án số: 08/2023/HSST

Ngày 04/4/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Tư;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 28 tháng 3 và 04 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2023/HSST ngày 13 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Tấn T, sinh ngày 24/12/2004; giới tính: nam. Tên gọi khác: TBD; Nơi cư trú: Thôn TB, xã Đ, huyện V, tỉnh K; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: lớp 6/12;

* Quan hệ gia đình: Cha: Nguyễn Việt H, sinh năm 1983; nghề nghiệp: Làm vườn. Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh T; Mẹ: Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm: 1986; nghề nghiệp: công nhân. Địa chỉ: Thôn TB, xã Đ, huyện V, tỉnh K; Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống chung mẹ ruột tại Thôn TB, xã Đ, huyện V, tỉnh K, đến năm 2016 về sinh sống cùng cha ruột tại Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T cho đến ngày phạm tội

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/10/2022, chuyển tạm giam từ ngày 09/10/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Minh Đ – Trợ giúp viên pháp lý của Trung

tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T (có mặt).

2. Họ và tên: Đặng Minh Th, sinh ngày 30/5/1999; giới tính: nam. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Ấp A, xã C, huyện CB, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: lớp 10/12;

* Quan hệ gia đình: Cha: Đặng Minh Ph, sinh năm 1974 (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm: 1975; nghề nghiệp: Buôn bán. Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện CB, tỉnh T; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại Ấp A, xã C, huyện CB, tỉnh T. Ngày 30/9/2019 bị Toà án nhân dân huyện CB ra Quyết định 84/2019/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng, chấp hành xong ngày 09/11/2020 về địa phương sinh sống. Đến ngày 04/10/2022 bị Ủy ban nhân dân xã Đ ra Quyết định số 186/QĐ-XPHC về hành vi “tàng trữ, cất giấu trong người dao tự chế nhằm mục đích đánh nhau gây rối trật tự công cộng”, phạt số tiền 4.000.000 đồng, nộp phạt ngày 24/10/2022. Đến ngày 14/11/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố bị can về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, xảy ra ngày 18/02/2022 tại Trung tâm y tế huyện CB.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện CB, trong vụ án “Gây rối trật tự công cộng” (có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 03/7/2001; giới tính: nam. Tên gọi khác: S Núi. Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Cắt thuê sâu riêng; Trình độ học vấn: lớp 5/12;

* Quan hệ gia đình: Cha: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979; nghề nghiệp: Làm vườn; Mẹ: Trương Mộng Thuỷ, sinh năm 1978; nghề nghiệp: Làm vườn. Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T; Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T cho đến ngày phạm tội. Ngày 20/10/2022 bị Công an huyện C ra Quyết định số 1191/QĐ-XPHC số tiền 6.500.000 đồng về hành vi gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nộp phạt ngày 02/12/2022.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C (có mặt).

4. Họ và tên: Phan Minh Th, sinh ngày 09/4/2001; giới tính: nam. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Cắt thuê sầu riêng; Trình độ học vấn: lớp 10/12;

* Quan hệ gia đình: Cha: Phan Thanh Bạch, sinh năm 1964; nghề nghiệp: Buôn bán; Mẹ: Lê Thị Bảy, sinh năm 1972; nghề nghiệp: Làm vườn. Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T; Anh, chị, em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T cho đến ngày phạm tội. Ngày 02/12/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Bắt người trái pháp luật”.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C (có mặt).

5. Họ và tên: Nguyễn Bạch Thành T, sinh ngày 21/8/2002; giới tính: nam. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: lớp 9/12;

* Quan hệ gia đình: Cha: Nguyễn Thành TH, sinh năm 1964; nghề nghiệp: Buôn bán; Mẹ: Bạch Thị A, sinh năm 1963; nghề nghiệp: Nội trợ. Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T; Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T cho đến ngày phạm tội.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Ánh – Luật sư Văn Phòng Luật sư Nguyễn Thị Ánh – Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

6. Họ và tên: Lê Anh K, sinh ngày 14/8/2001; giới tính: nam. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Tiếp thị; Trình độ học vấn: lớp 5/12;

* Quan hệ gia đình: Cha: Lê Văn B, sinh năm 1961 (đã chết); Mẹ: Phạm Thị M, sinh năm 1969; nghề nghiệp: Nội trợ. Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh T;

- Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp A, xã Đ, huyện CB, tỉnh T cho đến ngày phạm tội. Ngày 14/11/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CB ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Gây rối trật tự công

cộng” theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, xảy ra ngày 18/02/2022 tại Trung tâm y tế huyện CB.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/11/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện CB trong vụ án “Gây rối trật tự công cộng” (có mặt).

7. Họ và tên: **Đặng Hữu L**, sinh ngày 03/6/2003; giới tính: nam. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện CB, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: lớp 12/12;

* Quan hệ gia đình: Cha: Đặng Chí C, sinh năm 1970; nghề nghiệp: Thợ mộc; Mẹ: Vòng Ngọc V, sinh năm 1977; nghề nghiệp: Làm vườn. Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện CB, tỉnh T; Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp A, xã Đ, huyện CB, tỉnh T cho đến ngày phạm tội.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2022 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C đến ngày 18/01/2023 được bảo lãnh tại ngoại (có mặt).

8. Họ và tên: **Lê Anh T**, sinh ngày 09/12/2003; giới tính: nam. Tên gọi khác: Không. Nơi cư trú: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Tiếp thị; Trình độ học vấn: lớp 8/12;

* Quan hệ gia đình: Cha: Lê Văn B, sinh năm 1961 (Đã chết); Mẹ: Phạm Thị M, sinh năm 1969; nghề nghiệp: Nội trợ. Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh T; Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

* Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp A, xã Đ, huyện CB, tỉnh T học đến lớp 8 phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội. Ngày 09/11/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, xảy ra ngày 18/02/2022 tại ấp K, xã P, huyện C.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C (có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Huỳnh Văn Minh L, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T (xin vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T (xin vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Chị Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T (xin vắng mặt).

2. Chị Trần Thị Ph, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T (xin vắng

mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T (xin vắng mặt).

* Vật chứng cần đem ra xem xét tại phiên tòa: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn T, Phan Minh Th, Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Bạch Thành T, Đặng Hữu L, Đặng Minh Th, Lê Anh K, Lê Anh T là bạn bè chơi chung. Đêm 06/9/2022, cả nhóm uống bia phía trước sân nhà anh Trần Quốc Cường, sinh năm 1985, tại Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh T. Tại đây, T biết thông tin Huỳnh Văn Minh L, sinh năm 1999, địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C đang tổ chức nhậu tại nhà L, do T có mâu thuẫn với L nên nảy sinh ý định chém L gây thương tích, T rủ cả nhóm cùng đi thì tất cả đồng ý. Trước khi đi, T đi ra phía bên hông nhà anh Cường cầm lấy nhiều cây dao tự chế, chĩa ba mũi, dao phóng lợn (loại ống tuýp sắt dài, có hàn lưỡi dao nhọn) đem lên cho cả nhóm cầm đem theo, T cầm lấy dao phóng lợn, Thông cầm dao phóng lợn, Lộc cầm dao phóng lợn, S cầm dao tự chế, TH cầm chĩa 03 mũi, Th cầm chĩa 03 mũi, K cầm dao tự chế, rồi tất cả cùng đi trên 04 xe mô tô đến nhà L.

Khoảng 22 giờ 10 phút ngày 06/9/2022, S chở T, Thông chở TH, Th chở Lộc, Tuấn chở K, người ngồi sau cầm hung khí, khi đến gần trước cửa nhà L thì tất cả xuống xe, cầm hung khí đã lấy trước đó, T hô to “chạy vào chém nó” thì cả nhóm xông vào nhà L đến vị trí L đang ngồi nhậu cùng Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1993, Nguyễn Văn N, sinh năm 2002, Trần Thị Ph, sinh năm 2001, Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh năm 2000, cùng địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C; Trần Minh Th, sinh năm 1994, địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, cả nhóm trong nhà L nhìn thấy Th cầm chĩa 03 mũi, T cầm dao phóng lợn, Lộc cầm dao phóng lợn, Thông cầm dao phóng lợn, K cầm dao tự chế, TH cầm chĩa 3 mũi, S cầm dao tự chế xông vào nhà nên nhóm L bỏ chạy ra phía nhà sau, kéo cửa lại để trốn. Khi T truy đuổi tới cửa thì cầm dao phóng lợn chém bể cửa kính phía trên, do không chém được L nên cả nhóm ra về, khi đi ra T cầm dao phóng lợn đập bể 01 điện thoại hiệu Iphone 13 Promax của L và 01 điện thoại hiệu Iphone 6 Plus của Nam để tại vị trí ngồi nhậu trong nhà L. Lúc này, L cầm súng, Nam cầm 02 cây kiếm từ nhà sau chạy ra bắn, chém với nhóm của T đang đi ra thì cả nhóm của T quay lại cầm hung khí tấn công về hướng L và Nam được khoảng 02 phút, do yếu thế nên L và Nam bỏ chạy vào trong nhà, khi Nam vừa quay mặt vào trong nhà thì bị T cầm dao phóng lợn chém trúng lưng bên phải của Nam gây thương tích, cả nhóm đi cùng T cầm hung khí truy đuổi theo, Tuấn nhặt cây kiếm của Nam bị rớt trong lúc chém với T rồi

cùng truy đuổi vào nhà L. Khi cả nhóm T đuổi theo đến cửa nhà sau, không chém được L và Nam nên T nói “rút, rút về”, thì cả nhóm ra về, khi cả nhóm đi ra đến trước nhà thì L cầm súng bắn theo nên T cầm dao phóng lộn, S cầm dao tự chế tiếp tục chạy vào tấn công L, sau đó cả nhóm T ra xe đi về hướng Ngã tư Hưng Long, ném hung khí trên đường đi.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

- 01 đoạn tuýp sắt dài 2,1m, đường kính thân 2,5cm, bị cong; 02 lưỡi dao bằng kim loại màu đen, bản đẹp, mũi nhọn dài 21cm, nơi rộng nhất 07cm; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax 256GB màu xanh bị hư hỏng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 32GB bị hư hỏng; 01 khẩu súng dạng ổ quay bằng kim loại màu đen dài 16cm, mặt ngoài bên trái thân súng có chữ “Made in China”; 01 cây kiếm bằng kim loại màu trắng dài 66cm, bản đẹp, mũi nhọn; 03 đoạn Video ghi nhận hình ảnh diễn biến vụ án tại nhà L; 01 dao bấm bằng kim loại màu đen, trắng dài 22,2 cm; 01 quần dài bằng vải màu đen; 01 áo khoác dài tay bằng vải dù màu đen, có trùm đầu màu xanh đậm; Đặng Minh Th giao nộp: 01 áo vải dài tay có sọc ca rô vuông màu hồng lơ, xanh đen, xám và 01 quần Jean lửng màu đen; 01 áo khoác dài tay màu đen, có trùm đầu, hai bên tay áo có 03 sọc trắng; 01 nón tai bèo bằng vải Jean màu xanh.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 298 ngày 06/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh T, kết luận: Nguyễn Văn N sẹo vết thương vùng lưng phải đường rạch sau bên phải tỷ lệ 02%; thương tích do vật sắc gây nên.

Bản Kết luận định giá T sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 06/10/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện C, xác định: Điện thoại Iphone 13 Promax 256GB màu xanh, đã qua sử dụng trị giá 21.200.000 đồng; điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, đã qua sử dụng trị giá 1.350.000 đồng; tám kính trắng loại 5 li, kích thước 0,86 x 0,45 m trị giá 300.000 đồng.

Kết luận giám định số 1195 ngày 14/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T: Mẫu vật gửi giám định ký hiệu A là súng bắn vòng đạn pháo để gây THg nổ và thuộc đồ chơi nguy hiểm, không phải vũ khí quân dụng. Sử dụng khẩu súng ký hiệu A bắn với vòng đạn pháo sẽ gây THg nổ lớn, không có đầu đạn, có thể gây trấn áp tinh thần của con người.

Kết luận giám định số 1083 ngày 08/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép trong tập tin Video gửi giám định ký hiệu A1, A2, A3. Không đủ cơ sở kết luận nội dung trình chiếu trong tập tin video gửi giám định ký hiệu A1, A2, A3 có bị cắt, ghép không. Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép nội dung trong tập tin video gửi giám định ký hiệu B1, B2. Cơ quan điều tra TH hành cho các bị can nhận dạng hình

ảnh gửi kèm theo Kết luận giám định số 1083 ngày 08/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T; cho bị cáo Nguyễn Tấn T thực nghiệm hành vi đập phá cửa kính, điện thoại di động. Kết quả nhận dạng, thực nghiệm phù hợp với diễn biến vụ án và T liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định nêu trên. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

* Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý làm hư hỏng T sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đặng Minh Th, Nguyễn Hoàng S, Phan Minh Th, Nguyễn Bạch Thành T, Lê Anh K, Đặng Hữu L, Lê Anh T phạm tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng Điều 91, 101 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, i khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích và 15 tháng đến 18 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng T sản. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo theo quy định pháp luật. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày 06/10/2022, trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giam 20 ngày trong vụ án “Bắt người trái pháp luật”.

- Áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Minh Th từ 12 tháng đến 15 tháng tù giam.

- Áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam.

- Áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Minh Th từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam.

- Áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Anh K từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam.

- Áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Hữu L từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

- Áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bạch Thành T từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

- Áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Anh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam.

* Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo T tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại Huỳnh Văn Minh L số tiền 21.200.000 đồng và cho bị hại Nguyễn Văn N số tiền 3.650.000 đồng.

* Về vật chứng:

- Lưu hồ sơ 03 đoạn Video ghi nhận hình ảnh đã gửi giám định.

- Trả lại cho anh Huỳnh Minh L 01 điện thoại Iphone 13 Promax 256GB màu xanh, bị hư hỏng. Trả lại cho anh Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, đã qua sử dụng, bị hư hỏng do không liên quan hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiên hủy: 01 đoạn tuýp sắt dài 2,1m, đường kính thân 2,5cm, bị cong; 02 lưỡi dao bằng kim loại màu đen, bản đẹp, mũi nhọn dài 21cm, nơi rộng nhất 07cm; 01 khẩu súng dạng ổ quay bằng kim loại màu đen dài 16cm, mặt ngoài bên trái thân súng có chữ “Made in China”; 01 cây kiếm bằng kim loại màu trắng dài 66cm, bản đẹp, mũi nhọn; 01 dao bấm bằng kim loại màu đen, trắng dài 22,2 cm; 01 quần dài bằng vải màu đen; 01 áo khoác dài tay bằng vải dù màu đen, có trùm đầu màu xanh đậm; 01 áo vải dài tay có sọc ca rô vuông màu hồng lơ, xanh đen, xám và 01 quần Jean lửng màu đen; 01 áo khoác dài tay màu đen, có trùm đầu, hai bên tay áo có 03 sọc trắng; 01 nón tai bèo bằng vải Jean màu xanh.

- Đối với Nguyễn Tấn T tố giác, yêu cầu xử lý hành vi của Huỳnh Văn Minh L sử dụng súng bắn, gây thương tích cho T. Tuy nhiên, kết quả giám định khẩu súng do L giao nộp xác định là súng bắn vòng đạn pháo để gây THg nổ, không có đầu đạn. Kết quả khám nghiệm hiện trường không thu được đầu đạn, vật chứng chứng minh L đã sử dụng súng gây thương tích cho T. Đồng thời, T xác định bị L gây thương tích vào ngày 06/9/2022, nhưng T không đến cơ sở y tế điều trị, ghi nhận thương tích, đến ngày 06/10/2022 mới làm đơn yêu cầu xử lý, do đó, căn cứ vào các T liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Huỳnh Văn Minh L. Đối với hành vi L sử

dùng súng bắn đạn pháo thuộc danh mục đồ chơi nguy hiểm, Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L.

- Quá trình điều tra chứng minh Nguyễn Tấn T tự ý thực hiện hành vi đập hư hỏng cửa kính, điện thoại khi truy đuổi vào nhà Huỳnh Văn Minh L, các bị can Phan Minh Th, Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Bạch Thành T, Đặng Minh Th, Lê Anh K, Đặng Hữu L, Lê Anh T không biết, không bàn bạc trước nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý với vai trò đồng phạm về tội “Cố ý làm hư hỏng T sản”.

* Tại phiên tòa luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bạch Thành T phát biểu và đề nghị: Thống nhất tội danh Viện kiểm sát đã truy tố. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ và xử dưới khung hình phạt cho bị cáo.

* Tại phiên tòa luật sư bào chữa cho bị cáo T phát biểu và đề nghị: Thống nhất tội danh Viện kiểm sát đã truy tố. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng do có nhiều mâu thuẫn với các bị hại từ trước. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, thiệt hại gây ra cho các bị hại không lớn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các T liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 22 giờ 10 phút ngày 06/9/2022, tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T, Nguyễn Tấn T đã thực hiện hành vi có tính chất côn đồ, sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho Nguyễn

Văn N với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 02% và có hành vi sử dụng dao phông lộn đập hư hỏng điện thoại Iphone 13 Promax trị giá 21.200.000 đồng và cửa kính trị giá 300.000 đồng của Huỳnh Văn Minh L, đập hư hỏng điện thoại Iphone 6 Plus của Nguyễn Văn N trị giá 1.350.000 đồng, tổng T sản thiệt hại trị giá 22.850.000 đồng. Các bị cáo Phan Minh Th, Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Bạch Thành T, Đặng Minh Th, Lê Anh K, Đặng Hữu L, Lê Anh T là đồng phạm trong vụ án, với hành vi có tính chất côn đồ, sử dụng hung khí nguy hiểm, tham gia cùng Nguyễn Tấn T gây thương tích cho Nguyễn Văn N với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 02%.

Hành vi của các bị cáo đã đủ cơ sở cho Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Nguyễn Tấn T đã phạm vào tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội cố ý làm hư hỏng T sản theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phan Minh Th, Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Bạch Thành T, Đặng Minh Th, Lê Anh K, Đặng Hữu L, Lê Anh T đã phạm tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là là nguy hiểm cho xã hội, ngang nhiên xâm phạm đến sức khỏe, thân thể và T sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ra tâm lý hoang mang lo sợ và bức xúc của quần chúng nhân dân tại nơi xảy ra tội phạm, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc là cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đảm bảo việc cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình có xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

4.1. Bị cáo T: Có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên xem xét tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, sớm tái hòa nhập cộng đồng và trở thành công dân tốt.

4.2. Bị cáo S: Có nhân thân xấu, ngày 20/10/2022 bị Công an huyện C ra Quyết định số 1191/QĐ-XPHC số tiền 6.500.000 đồng về hành vi gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Không có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có người ông nội là người có công với cách mạng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

4.3. Bị cáo TH: Có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mẹ bị cáo có nhiều động thiện nguyện, đóng góp cho xã hội, UBND xã Mỹ Thành bắc, xã L tặng giấy khen đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

4.4. Bị cáo Thông: Có nhân thân xấu, ngày 02/12/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Bắt người trái pháp luật”. Không có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

4.5. Bị cáo Th: Có nhân thân xấu, ngày 30/9/2019 bị Toà án nhân dân huyện CB ra Quyết định 84/2019/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng, chấp hành xong ngày 09/11/2020 về địa phương sinh sống. Đến ngày 04/10/2022 bị Ủy ban nhân dân xã Đ ra Quyết định số 186/QĐ-XPHC về hành vi “tàng trữ, cất giấu trong người dao tự chế nhằm mục đích đánh nhau gây rối trật tự công cộng”, phạt số tiền 4.000.000 đồng, nộp phạt ngày 24/10/2022. Đến ngày 14/11/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố bị can về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, xảy ra ngày 18/02/2022 tại Trung tâm y tế huyện CB. Không có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

4.6. Bị cáo Lộc: Có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

4.7. Bị cáo K: Có nhân thân xấu, ngày 14/11/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CB ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, xảy ra ngày 18/02/2022 tại Trung tâm y tế huyện CB. Không có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

4.8. Bị cáo Tuấn: Có nhân thân xấu, Ngày 09/11/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố bị can về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, xảy ra ngày 18/02/2022 tại ấp K, xã P, huyện C. Không có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự tổ chức bàn bạc, phân công, câu kết chặt chẽ. Bị cáo Nguyễn Tấn T là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người chuẩn bị hung khí dao tự chế, chĩa... để đưa cho cả nhóm sử dụng. Đồng thời, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, chính bị cáo là người cầm dao tự chế chém vào người Nam gây thương tích và bị cáo đập phá T sản gây hư hỏng. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Bị cáo Thông, Th, S, K, Tuấn là đồng phạm với bị cáo T, các bị cáo có nhân thân xấu nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi đã thực hiện nhưng thấp hơn bị cáo T và cao hơn bị cáo TH, Lộc.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo T tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại Huỳnh Văn Minh L số tiền 21.200.000 đồng và cho bị hại Nguyễn Văn N số tiền 3.650.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Đối với Nguyễn Tấn T tố giác, yêu cầu xử lý hành vi của Huỳnh Văn Minh L sử dụng súng bắn, gây thương tích cho T. Tuy nhiên, kết quả giám định khẩu súng do L giao nộp xác định là súng bắn vòng đạn pháo để gây THg nổ, không có đầu đạn. Kết quả khám nghiệm hiện trường không thu được đầu đạn, vật chứng chứng minh L đã sử dụng súng gây thương tích cho T. Đồng thời, T xác định bị L gây thương tích vào ngày 06/9/2022, nhưng T không đến cơ sở y tế điều trị, ghi nhận thương tích, đến ngày 06/10/2022 mới làm đơn yêu cầu xử lý, do đó, căn cứ vào các T liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Huỳnh Văn Minh L. Đối với hành vi L sử

dụng súng bắn đạn pháo thuộc danh mục đồ chơi nguy hiểm, Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L nên không xem xét.

[9] Quá trình điều tra chứng minh Nguyễn Tấn T tự ý thực hiện hành vi đập hư hỏng cửa kính, điện thoại khi truy đuổi vào nhà Huỳnh Văn Minh L, các bị can Phan Minh Th, Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Bạch Thành T, Đặng Minh Th, Lê Anh K, Đặng Hữu L, Lê Anh T không biết, không bàn bạc trước nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý với vai trò đồng phạm về tội “Cố ý làm hư hỏng T sản” nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm nên không xem xét.

[10] Xét bị cáo T có hành cố ý gây hư hỏng T sản cho các bị hại tổng số tiền 22.850.000 đồng là cao so với mức thu nhập trung bình của người lao động nên phát biểu của luật sư bào chữa cho bị cáo T cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ chấp nhận.

[11] Xét phát biểu và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo TH là có căn cứ, phù hợp nội dung vụ án, quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Xét đề nghị áp dụng hình phạt đối với bị cáo T, TH, Lộc là có phần nghiêm khắc nên chấp nhận một phần. Hình phạt đối với các bị cáo còn lại là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội cố ý gây thương tích và tội cố ý làm hư hỏng T sản. Các bị cáo: Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Bạch Thành T, Phan Minh Th, Đặng Minh Th, Đặng Hữu L, Lê Anh K và Lê Anh T phạm tội cố ý gây thương tích.

- Áp dụng: điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, 56, Điều 91, 101, điểm a, i khoản 1 Điều 134 và khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 01 (một) năm tù về tội cố ý gây thương tích và 09 (chín) tháng tù về tội cố ý làm hư hỏng T sản người khác. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2022, trừ đi thời hạn bị tạm giam 20 ngày trong vụ án “Bắt người trái pháp luật”.

- Áp dụng: điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo Đặng Minh Th 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2022.

- Áp dụng: điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo Phan Minh Th 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2022.

- Áp dụng: điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo Lê Anh K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2022

- Áp dụng: điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo Lê Anh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2022.

- Áp dụng: điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2022.

- Áp dụng: điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65, điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo Nguyễn Bạch Thành T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng: điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo Đặng Hữu L 06 (sáu) tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện CB giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Nguyễn Tấn T tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại Huỳnh Văn Minh L số tiền 21.200.000 đồng và cho bị hại Nguyễn Văn N số tiền 3.650.000 đồng. Anh Huỳnh Văn Minh L, anh Nguyễn Văn N được quyền liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để nhận tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Lưu hồ sơ 03 đoạn Video ghi hình ảnh đã gửi giám định.

- Trả lại cho anh Huỳnh Văn Minh L 01 điện thoại Iphone 13 Promax 256GB màu xanh, bị hư hỏng. Trả lại cho anh Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, đã qua sử dụng, bị hư hỏng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Tịch thu tiên hủy: 01 đoạn tuýp sắt dài 2,1m, đường kính thân 2,5cm, bị cong; 02 lưỡi dao bằng kim loại màu đen, bản đẹp, mũi nhọn dài 21cm, nơi rộng nhất 07cm; 01 khẩu súng dạng ô quay bằng kim loại màu đen dài 16cm, mặt ngoài bên trái thân súng có chữ “Made in China”; 01 cây kiếm bằng kim loại màu trắng dài 66cm, bản đẹp, mũi nhọn; 01 dao bấm bằng kim loại màu đen, trắng dài 22,2 cm; 01 quần dài bằng vải màu đen; 01 áo khoác dài tay bằng vải dù màu đen, có trùm đầu màu xanh đậm; 01 áo vải dài tay có sọc ca rô vuông màu hồng lơ, xanh đen, xám và 01 quần Jean lửng màu đen; 01 áo khoác dài tay màu đen, có trùm đầu, hai bên tay áo có 03 sọc trắng; 01 nón tai bèo bằng vải Jean màu xanh ngay khi án có hiệu lực pháp luật (theo biên bản giao, nhận vật chứng số 07 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C) .

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.242.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo: Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Bạch Thành T, Phan Minh Th, Đặng Hữu L, Lê Anh K và Lê Anh T, mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã L;
- UBND xã Đ, huyện CB;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc